

CÔNG BÁO

NƯỚC VIỆT-NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA

MỤC LỤC

HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ

	Trang
10-10-1964 — Nghị định số 94-TTg-TN quy định lãi suất cho vay, tiền gửi và tiền tiết kiệm của Ngân hàng Nhà nước.	677

CÁC BỘ

LIÊN BỘ NÔNG NGHIỆP — THỦY LỢI

17-9-1964 — Thông tư liên Bộ số 1-NN-HTH về việc tổ chức và sử dụng đội làm thủy lợi trong hợp tác xã nông nghiệp.	679
--	-----

BỘ GIÁO DỤC

19-9-1964 — Thông tư số 49-TT về chế độ công tác của giáo viên ở các trường trung học chuyên nghiệp.	682
--	-----

22-9-1964 — Thông tư số 50-TT hướng dẫn thi hành các quy định trong bản chế độ công tác của giáo viên trung học chuyên nghiệp.	684
--	-----

BỘ NỘI THƯƠNG

10-9-1964 — Quyết định số 517-NT ban hành thể lệ kiểm nghiệm hàng hóa trong ngành nội thương.	692
10-9-1964 — Thông tư số 518-NT về việc kiểm tra phẩm chất hàng hóa và đo lường trong ngành nội thương.	694

BỘ NỘI VỤ

28-9-1964 — Thông tư số 24-NV về việc đẩy mạnh thực hiện chính sách đối với thương binh và gia đình liệt sĩ.	696
--	-----

HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ

NGHỊ ĐỊNH số 94 - TTg - TN ngày 10-10-1964 quy định lãi suất cho vay, tiền gửi và tiền tiết kiệm của Ngân hàng Nhà nước.

HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ

Theo đề nghị của ông Tổng giám đốc Ngân hàng Nhà nước Việt-nam,

Căn cứ nghị quyết của Hội đồng Chính phủ trong Hội nghị thường vụ của Hội đồng Chính phủ ngày 21 tháng 7 năm 1964,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. — Nay ban hành biểu lãi suất cho vay, tiền gửi và tiền tiết kiệm của Ngân hàng Nhà nước (kèm theo nghị định này) thay cho các biểu lãi suất ban hành trước đây nhằm đẩy mạnh sản xuất, tiếp tục hoàn thành công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa, thúc đẩy các ngành kinh tế luân chuyển vốn nhanh, đem lại hiệu

671368

quả kinh tế cao, tăng cường hạch toán kinh tế và giám đốc bằng đồng tiền.

Điều 2. — Biểu lãi suất này bắt đầu thi hành kể từ ngày 1 tháng 1 năm 1965.

Đối với các khoản cho vay, tiền gửi và tiền tiết kiệm từ các năm trước chuyển sang, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 1965 cũng đều tính lãi suất theo biểu này.

Điều 3. — Trong quá trình thi hành biểu lãi suất này, nếu xét cần điều chỉnh một số lãi suất, Thủ tướng Chính phủ sẽ quy định.

Điều 4. — Ông Tổng giám đốc Ngân hàng Nhà nước Việt-nam chịu trách nhiệm thi hành nghị định này.

Hà-nội, ngày 10 tháng 10 năm 1964.

K.T. Thủ tướng Chính phủ

Phó thủ tướng

PHẠM HÙNG

BIỂU LÃI SUẤT CHO VAY, TIỀN GỬI, VÀ TIỀN TIẾT KIỆM CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

(Ban hành kèm theo nghị định của Hội đồng Chính phủ số 94-TTg-TN ngày 10-10-1964).

1. LÃI SUẤT CHO VAY (một tháng)

1. Cho vay ngắn hạn các xí nghiệp quốc doanh:

- Cho vay dự trữ vật tư trên định mức, cho vay sửa chữa lớn đối với các xí nghiệp công nghiệp quốc doanh, lâm nghiệp quốc doanh và vận tải quốc doanh 0,36%
- Cho vay dự trữ vật tư trên định mức, cho vay sửa chữa lớn đối với các xí nghiệp ngư nghiệp và diêm nghiệp quốc doanh 0,27%
- Cho vay dự trữ vật tư và chi phí sản xuất trên định mức, cho vay sửa chữa lớn đối với các nông trường quốc doanh 0,27%
- Cho vay trong định mức tiêu chuẩn vốn lưu động đối với các xí nghiệp công nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp, vận tải và nông trường quốc doanh 0,12%

- Cho vay các xí nghiệp quốc doanh trong thời gian sản xuất chưa ổn định 0,12%
 - Cho vay dự trữ và luân chuyển hàng hóa trong mạng lưới thương nghiệp bán buôn 0,42%
 - Cho vay dự trữ và luân chuyển hàng hóa trong các tổ chức cung tiêu, cho vay phát hành sách 0,36%
 - Cho vay dự trữ và luân chuyển hàng hóa trong mạng lưới thương nghiệp bán lẻ và các tổ chức nhập khẩu 0,48%
 - Cho vay, dự trữ và luân chuyển trong các tổ chức xuất khẩu 0,30%
 - Cho vay dự trữ vật tư và luân chuyển hàng hóa đối với Công ty tư liệu sản xuất nông nghiệp 0,24%
 - Cho vay thu mua đối với các xí nghiệp thương nghiệp và xí nghiệp chế biến nguyên liệu nông nghiệp, xí nghiệp kinh doanh hàng xuất khẩu 0,24%
 - Cho vay ứng trước thu mua đối với các xí nghiệp thương nghiệp, và xí nghiệp chế biến nguyên liệu nông nghiệp, xí nghiệp kinh doanh hàng xuất khẩu 0,18%
 - Cho vay thanh toán, cho vay luân chuyển hàng hóa không qua kho trong các tổ chức thương nghiệp, cung tiêu 0,18%
2. Cho vay ngắn hạn thành phần kinh tế tập thể:
- a) Cho vay ngắn hạn đối với sản xuất nông nghiệp
- Hợp tác xã cấp cao 0,27%
 - Hợp tác xã cấp thấp 0,30%
 - Các cơ quan, xí nghiệp, trường học 0,24%
 - Cá thể xã viên hợp tác xã 0,69%
 - Mua phân bón trong các tổ chức kinh tế tập thể 0,18%
- b) Cho vay ngắn hạn đối với nghề cá, nghề muối
- Hợp tác xã cấp cao 0,30%
 - Hợp tác xã cấp thấp 0,36%
- c) Cho vay ngắn hạn đối với thủ công nghiệp, vận tải
- Hợp tác xã cấp cao 0,36%
 - Hợp tác xã cấp thấp 0,42%
 - Các cơ quan, xí nghiệp, trường học làm thủ công nghiệp 0,30%
- d) Cho vay ngắn hạn Hợp tác xã mua bán, tiểu thương

0911368
 Tel: +84-4-3845 6684 * www.TuVienPhapLuat.com
 LawSoft

- Hợp tác xã mua bán xã dự trữ và luân chuyển hàng hóa 0,48%
- Hợp tác xã mua bán xã sản xuất phụ thuộc có hạch toán riêng 0,36%
- Tổ tiêu thương sản xuất và chăn nuôi 0,36%

e) Cho vay ngắn hạn hợp tác xã tín dụng

- Tiếp vốn cho các hợp tác xã tín dụng 0,18%

3. Cho vay dài hạn các xí nghiệp địa phương:

- Mua sắm thiết bị, cơ giới 0,18%
- Các khoản vay khác 0,30%

4. Cho vay dài hạn thành phần kinh tế tập thể:

a) Cho vay dài hạn đối với sản xuất nông nghiệp

- Hợp tác xã cấp cao 0,21%
- Hợp tác xã cấp thấp 0,24%
- Mua sắm thiết bị cơ giới 0,18%
- Mua phân bón cải tạo đất 0,18%
- Các cơ quan, xí nghiệp, trường học... sản xuất nông nghiệp 0,18%
- Cá thể xã viên hợp tác xã sản xuất nông nghiệp 0,54%

b) Cho vay dài hạn đối với nghề cá, nghề muối

- Hợp tác xã cấp cao 0,24%
- Hợp tác xã cấp thấp 0,30%
- Mua sắm thiết bị cơ giới 0,18%
- Cải tiến kỹ thuật nghề muối 0,18%

c) Cho vay dài hạn về thủ công nghiệp vận tải.

- Hợp tác xã cấp cao 0,30%
- Hợp tác xã cấp thấp 0,36%
- Mua sắm thiết bị cơ giới 0,18%
- Các cơ quan, xí nghiệp, trường học làm thủ công nghiệp 0,24%

d) Cho vay dài hạn khai hoang

- Khai hoang nông nghiệp 0,18%
- Khai hoang đồng muối 0,18%

II. LÃI SUẤT NỢ QUÁ HẠN

(một tháng)

a) Đối với các xí nghiệp quốc doanh sản xuất

- Nợ quá hạn dưới sáu tháng 0,60%
- Nợ quá hạn từ sáu tháng đến một năm 0,90%

b) Đối với các tổ chức thương nghiệp bán buôn, bán lẻ, các tổ chức xuất nhập khẩu

- Nợ quá hạn dưới sáu tháng 0,90%
- Nợ quá hạn từ sáu tháng đến một năm 1,20%

c) Đối với thành phần kinh tế tập thể

- Nợ quá hạn (không phân biệt thời gian quá hạn) tăng thêm 50% mức lãi suất trên đây.

III. LÃI SUẤT TIỀN GỬI

(một tháng)

- Lãi suất tính vào số dư tiền gửi tài khoản thanh toán của các xí nghiệp quốc doanh 0,09%
- Lãi suất tính vào số dư tiền gửi các quỹ chuyên dùng của các xí nghiệp quốc doanh 0,06%
- Lãi suất tính vào số dư tiền gửi tài khoản vãng lai và quỹ chuyên dùng của các hợp tác xã 0,18%

IV. LÃI SUẤT TIỀN TIẾT KIỆM

(một tháng)

- Lãi suất tính vào số dư các loại tiền gửi tiết kiệm như sau:
 - Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn 0,30%
 - Tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn ba tháng 0,42%
 - Tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn sáu tháng 0,51%
 - Tiền gửi tiết kiệm trên 12 tháng của kiều bào còn ở hải ngoại (khi về nước thì chuyển sang tiền gửi tiết kiệm thông thường) 0,60%

Ban hành kèm theo nghị định của Hội đồng Chính phủ số 94-TTg-TN ngày 10 tháng 10 năm 1964

K.T. Thủ tướng Chính phủ

Phó thủ tướng

PHẠM HÙNG

CÁC BỘ

LIÊN BỘ NÔNG NGHIỆP — THỦY LỢI

THÔNG TƯ liên Bộ số 1-NN-HTH ngày 17-9-1964 về việc tổ chức và sử dụng đội làm thủy lợi trong hợp tác xã nông nghiệp.

Thi hành thông tư số 93-TTg ngày 16-9-1963 của Thủ tướng Chính phủ về việc tổ chức đội